

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THU'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2017/HSST
Ngày 11/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU', TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Hà Toàn Thắng
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***
 1. Ông Nguyễn Tiến Sang.
 2. Ông Phạm Đức Hiền.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thu' tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu' xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 58/2017/HSST ngày 24 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Phạm Xuân Đ, sinh ngày 24/4/1977.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: tổ M, thị trấn V, huyện V1, tỉnh T.

- Nghề nghiệp: Lao động tự do

Trình độ học vấn: 12/12.

- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt nam Tôn giáo: Không tôn giáo.

- Bố đẻ: ông Phạm Văn T1, sinh năm 1930.

- Mẹ đẻ: bà Lại Thị L, sinh năm 1940.

Đều trú tại: tổ M, thị trấn V, huyện V1, tỉnh T.

- Tiền án: Không

- Tiền sự: Không

- Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/6/2017 đến ngày 20/6/2017 chuyển tạm giam theo lệnh số 29/LTG ngày 19/6/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V1. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V1, tỉnh T.

- Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên toà.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Phạm Thị L1, sinh năm 1967.

Trú tại: Tổ M, thị trấn V, huyện V1, tỉnh T.

(Có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Cáo trạng số 58/KSĐT ngày 21/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình truy tố đối với bị cáo Phạm Xuân Đ về hành vi phạm tội như sau:

Do bị mắc nghiện ma túy nên khoảng 12 giờ 30 phút ngày 14/6/2017, Phạm Xuân Đ, sinh năm 1977, trú tại tổ M, thị trấn V, huyện V1, tỉnh T mượn xe đạp của chị Phạm Thị L1, sinh năm 1967, trú cùng địa chỉ (là chị gái của Đ), mang theo 300.000 đồng, một mình đi từ nhà lên khu vực chợ C, thuộc phường Q, thành phố T1, tỉnh T mục đích tìm mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Tại đây, Đ gặp một người phụ nữ khoảng 30 tuổi, không biết tên, địa chỉ, đoán là người bán ma túy nên Đ lại gần hỏi “*Chị có đá không để cho em ba trăm*”, người phụ nữ nói “*Đưa tiền đây*” Đ đưa cho người này 300.000 đồng và nhận lại 01 túi nilon nhỏ màu trắng trong suốt, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng. Xác định đã mua được ma túy đá, Đ không mở ra kiểm tra mà cất giấu ngay vào túi quần sọc phía trước, bên trái đang mặc rồi đạp xe về nhà. Khi đi đến khu vực đường 10A, thuộc địa phận tổ M, thị trấn V, huyện V1 thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện V1 bắt giữ, yêu cầu về Ủy ban nhân dân thị trấn V để kiểm tra. Tại Ủy ban nhân dân thị trấn, trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương và hai người làm chứng, lực lượng Công an đã kiểm tra và thu giữ tại túi quần sọc phía trước, bên trái Đ đang mặc 01 gói Methamphetamine, có trọng lượng 1,3689 gam, Đ khai là Methamphetamine mua về để sử dụng cho bản thân. Ngoài ra Cơ quan Công an còn quản lý 01 xe đạp không rõ nhãn hiệu, sơn xe màu nâu, đã cũ, đã qua sử dụng mà Đ dùng để đi mua ma túy.

- Bản kết luận giám định số 235/LKGĐ-PC54 ngày 15/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận: “Mẫu gửi giám định thu của Phạm Xuân Đ là ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng 1,3689 gam (Một phẩy ba nghìn sáu trăm tám mươi chín gam)”. *Methamphetamine STT: 67, Danh mục II, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của chính Phủ.*

Cáo trạng số 58/KSĐT ngày 21/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V1, tỉnh T truy tố đối với bị cáo Phạm Xuân Đ về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện V1 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân Đ phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999. Nghị quyết 41/2017/QH14; Công văn 276/TANDTC; Điểm x, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt Phạm Xuân Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2017.

- Về vật chứng, tài sản : Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ của Phạm Xuân Đ niêm phong trong 01 (một) phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 235/KLGD ngày 15/6/2017 của Công an tỉnh T.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V1 đã trả lại cho chị Phạm Thị L1, sinh năm 1967, trú tại tổ Tỏ M, thị trấn V, huyện V1, tỉnh T 01 xe đạp không rõ nhãn hiệu, sơn xe màu nâu, đã cũ, đã qua sử dụng.

- Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Xuân Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố đã nêu phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V1, lập hồi 13 giờ 40 phút ngày 14/6/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V1, tỉnh T (Bút lục số 01 đến số 04).

- Biên bản niêm phong vật chứng do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V1, lập hồi 15 giờ 10 phút ngày 14/6/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V1, tỉnh T (Bút lục số 05).

- Bản kết luận giám định số 235/LKGD-PC54 ngày 15/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T (Bút lục số 10).

- Biên bản ghi lời khai của những người làm chứng: anh Nguyễn Tiến V2, sinh năm 1973, trú tại tổ 6, phường P, thành phố T1; ông Đỗ N, sinh năm 1948, trú tại tổ M, thị trấn V, huyện V1, tỉnh T.(Bút lục từ số 65 đến số 72).

Thể hiện như sau: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 14/6/2017, tại khu vực đường 10A thuộc địa phận tổ M, thị trấn V, huyện V1, tỉnh T, Phạm Xuân Đ, sinh ngày 24/4/1977, trú tại tổ M, thị trấn V, huyện V1, tỉnh T có hành vi tàng trữ trái phép 1,3689 gam Methamphetamine tại túi quần sọc phía trước, bên trái đang mặc, mục đích để sử dụng cho bản thân.

[2] Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Xuân Đ đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 theo như quan điểm của Kiểm sát viên đại diện cho VKS tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của Phạm Xuân Đ là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất gây nghiện của Nhà nước, làm gia tăng tệ nạn về ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy phải cần phải xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian tương xứng với mức độ phạm tội của bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Đánh giá các tình tiết tăng nặng , giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

- Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “ thành khẩn khai báo”; Bố mẹ bị cáo là người có công với cách mạng đã được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ. Vì vậy cần áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Nghị quyết 41/2017/QH14; Công văn 276/TANDTC; Điểm x, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về vật chứng, tài sản:

- Cần tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ của Phạm Xuân Đ niêm phong trong 01 (một) phong bì hoàn trả mẫu vật giám định ghi số 235/KLGD ngày 15/6/2017 của Công an tỉnh T.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V1 đã trả lại cho chị Phạm Thị L1, sinh năm 1967, trú tại tổ M, thị trấn V, huyện V1, tỉnh T 01 xe đạp không rõ nhãn hiệu, sơn xe màu nâu, đã cũ, đã qua sử dụng.

[5] Về nguồn gốc ma túy: Phạm Xuân Đ khai mua của một người phụ nữ khoảng 30 tuổi, không biết tên, địa chỉ tại khu vực chợ C, thuộc phường Q, thành

phố T1, tỉnh T. Quá trình điều tra chưa xác định được người phụ nữ này, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V1 đang tiếp tục tiến hành điều tra, xác minh, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[6] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:

Hội đồng xét xử nhận định: Trong quá trình điều tra, truy tố, các hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo các quyền của bị cáo và những người tham gia tố tụng, đảm bảo sự khách quan, không ép cung, không dùng nhục hình. Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đều đúng mẫu văn bản tố tụng, đúng nội dung theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999. Nghị quyết 41/2017/QH14; Công văn 276/TANDTC; Điểm x, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân Đ 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2017.

2. Về vật chứng, tài sản: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Xử tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ của Phạm Xuân Đ niêm phong trong 01 (một) phong bì hoàn trả mẫu vật giám định ghi số 235/KLGD ngày 15/6/2017 của Công an tỉnh T (*Có đặc điểm trong biên bản giao nhận giữa Công an huyện V1 và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V1 ngày 25/7/2017*).

- Xử chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V1 đã trả lại cho chị Phạm Thị L1, sinh năm 1967, trú tại tổ M, thị trấn V, huyện V1, tỉnh T 01 xe đạp không rõ nhãn hiệu, sơn xe màu nâu, đã cũ, đã qua sử dụng (*Có đặc điểm trong biên bản về việc trả lại tài sản của Công an huyện V1 ngày 17/7/2017*).

3. Về án phí: Áp dụng điều 98, 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Phạm Xuân Đ phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận

- VKSND huyện V1.
- Công an huyện V1
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V1
- Tòa án tỉnh T
- Sở Tư pháp tỉnh T
- Bị cáo
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM HĐXX SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Hà Toàn Thắng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Toàn Thắng

